TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH TRỊ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2018/DS - ST.
Ngày: 04-10-2018
V/v tranh chấp đòi lại tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Biện Công Nặng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Lý
2. Ông Nguyễn Thành Dân

Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị tham gia phiên tòa: Ông Dương Trung Kiên- Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 77/2018/TLST- DS ngày 20 tháng 6 năm 2018 về việc "Tranh chấp đòi lại tài sản". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2018/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lý Thị Sà V, sinh năm 1976; Địa chỉ: ấp Trung B, xã Tuân T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Lý Thị X, sinh năm 1954; Địa chỉ: ấp Trung T, xã Tuân T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Khâu L, sinh năm 1951; Địa chỉ: ấp Trung T, xã Tuân T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 03/8/2018 và văn bản ủy quyền ngày 10/9/2018.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/6/2018 (Bút lục số 01) của nguyên đơn cũng như quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Lý Thị Sà V trình bày như sau:

Bà V có cho bà X vay vàng và tiền nhiều lần gồm 1,5 cây vàng 24k và số tiền 3.000.000 đồng, thời gian khoảng 03 năm bà X không có khả năng trả vốn và lãi nên ngày 18/5/2007, bà X làm giấy thoả thuận cầm cố cho bà V diện tích 03 công đất ruộng toạ lạc tại ấp Trung T, xã Tuân T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng với giá 1,5 cây vàng 24k và số tiền 3.000.000 đồng để khấu trừ số tiền còn nợ, với thời hạn cố là 03 năm. Sau khi nhận cố đất do không có điều kiện canh tác nên bà cho bà X thuê đất lại làm, bà X có đong đủ lúa cho bà với mỗi năm 250kg lúa/01 công. Năm 2011, bà X và ông L xin chuộc lại đất nhưng chỉ trả được cho bà 11,5 chỉ vàng 24k và số tiền 3.000.000 đồng, còn nợ lại 3,5 chỉ vàng 24k đến nay chưa trả. Bà V yêu cầu bà Lý Thị X và ông Khâu L trả cho bà 3,5 chỉ vàng 24k, bà không yêu cầu lãi suất.

Theo lời trình bày trong tờ phúc đáp ngày 18/7/2018 (Bút lục số 33) biên bản ghi lời khai ngày 20/7/2018 (Bút lục số 35) và ngày 06/8/2018 (Bút lục 36) cũng như quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Lý Thị X trình bày như sau:

Năm 2005, bà X có vay của bà V 04 chỉ vàng 24k với lãi suất thỏa thuận mỗi năm là 02 chỉ vàng 24k, bà có đóng lãi cho bà V là 02 chỉ vàng 24k.

Năm 2006, bà không có khả năng trả nên bà V cộng vốn và lãi lại cho bà là 01 cây vàng 24k, đến tháng 01/2007 bà vay thêm số tiền 3.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng, bà đã đóng cho bà V 3.600.000 đồng tiền lãi của vốn vay. Đến ngày 18/5/2007, do không có khả năng trả nên bà có làm giấy cố đất ruộng cho bà V để khấu trừ nợ, trong giấy cố đất có ghi nội dung nhận cố đất là 03 công tầm cấy với số vàng 1,5 cây vàng 24k và số tiền 3.000.000 đồng (trong đó 01 cây vàng là vốn, 05 chỉ vàng 24k là lãi suất từ năm 2006 đến 2007). Do hoàn cảnh gia đình quá khó khăn nên bà có thuê lại 03 công đất đã cố cho bà V để canh tác trong thời hạn 03 năm, thoả thuận mỗi năm bà trả cho bà V 750kg lúa và bà trả đủ lúa hàng năm cho bà V, tổng cộng 03 năm là 2.250kg lúa. Việc vay vàng, tiền và thoả thuận cầm cố đất do bà trực tiếp thoả thuận với bà V, ông L chồng bà hoàn toàn không biết.

Ngày 08/5/2011, bà xin chuộc lại đất, do chưa có đủ tiền nên bà trả trước cho bà V 01 cây vàng 24k, còn lại 05 chỉ vàng 24k (nợ lãi) bà xin trả dần mỗi năm 01 chỉ vàng, được bà V đồng ý nên trong năm 2011 bà trả số tiền 3.000.000 đồng, năm 2012 trả 01 chỉ vàng 24k, năm 2013 trả 0,5 chỉ vàng 24k, còn nợ bà V 3,5 chỉ vàng 24k. Ngày hoà giải ở Ban nhân dân ấp Trung T bà xin được trả dần cho bà V trong hai đợt nhưng do không có khả năng nên đến nay bà cũng không trả được.

Bà X yêu cầu bà V không tiếp tục yêu cầu đối với 3,5 chỉ vàng 24k (nợ lãi) vì bà đã đóng lãi cho bà V quá nhiều nay bà không còn khả năng.

Người có nghĩa vụ quyền lợi liên quan ông Khâu L: Vắng mặt không có lời trình, ông L ủy quyền cho bà Lý Thị X đại diện ông tham gia phiên tòa và trình bày ý

kiến cũng như quyết định các vấn đề liên quan tranh chấp trong vụ án, theo văn bản ủy quyền đề ngày 10/9/2018.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu việc kiểm sát và quan điểm giải quyết như sau:

- Toà án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp, thu thập đầy đủ chứng cứ; Về việc tuân thủ pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

Tại phiên toà người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Khâu L vắng mặt và có ủy quyền cho bị đơn bà Lý Thị X là phù hợp với quy định pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Quan hệ giao dịch ban đầu giữa nguyên đơn bà Lý Thị Sà V với bị đơn bà Lý Thị X xuất phát từ việc vay tiền và vàng từ năm 2005 đến năm 2007 không có khả năng trả nên bị đơn bà X chủ động làm giấy cố03 công đất ruộng cho bà V để nhằm không phải tính lãi, năm 2011 bà X chuộc lại đất nhưng chỉ trả được 11,5 chỉ vàng 24k và số tiền 3.000.000 đồng, thỏa thuận còn nợ lại 3,5 chỉ vàng 24k và yêu cầu được trả dần nhưng do bà X không trả nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Lý Thị X và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả số vàng còn nợ là 3,5 chỉ, không yêu cầu xem xét về tờ giấy cố đất.

Qua chứng cứ của nguyên đơn cung cấp và lời thừa nhận của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã có đủ cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn bà Lý Thị X và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Khâu L trả cho bà V số vàng còn nợ là 3,5 chỉ vàng 24k (quy đổi giá vàng tại thời điểm xét xử là 3.470.000 đồng/01 chỉ x 3,5 chỉ = 12.145.000 đồng). Về án phí, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Lý Thị Sà V khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Lý Thị X và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Khâu L có nghĩa vụ trả cho bà số vàng còn nợ của việc cố đất là 3,5 chỉ vàng 24k. Tòa án đã thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp đòi lại tài sản" theo quy định tại khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Khâu L vắng mặt và có ủy quyền cho bị đơn bà Lý Thị X tham gia phiên tòa, căn cứ vào khoản 2, Điều 228 của Bộ luật dân sự; Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với ông Khâu L.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn bà Lý Thị Sà V yêu cầu bị đơn bà Lý Thị X và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Khâu L trả cho bà số vàng còn nợ của việc cố đất là 3,5 chỉ vàng 24k, còn phần đất cố hai bên đã thực hiện xong giao dịch nên không yêu cầu Toà án giải quyết; Bị đơn bà Lý Thị X thừa nhận có nợ bà V số vàng trên nhưng theo bà X trình bày số vàng còn nợ là số lãi của việc thoả thuận vay tiền và vàng, do không có khả năng trả nên bà đã làm giấy cố 03 công đất ruộng của bà cho bà V, hiện nay bà đã chuộc lại đất và còn nợ bà V 3,5 chỉ vàng 24k (nợ lãi), bà không đồng ý trả cho Vượng do đã trả quá vốn quá lãi. Căn cứ vào Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là sự thật không cần phải chứng minh.

[3] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Khâu L có lời trình bày trong nội dung đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 03/8/2018 *(bút lục số 38)* ôngLành không hiểu biết về việc vay vàng và tiền cũng như thoả thuận cầm cố giữa bà V với bà X nên ông không đồng ý có nghĩa vụ liên đới trả, đến ngày 10/9/2018 ông L có văn bản ủy quyền cho bà X tự quyết định. Xét thấy, lời trình bày của bà X về việc vay tiền của bà V để bà chi tiêu trong gia đình và điều trị bệnh cho ông L nên không có khả năng trả nợ phải cầm cố số đất ruộng của ông L và bà X cho bà V. Xét thấy, việc bà X cầm cố đất ruộng là để có khả năng chan chải chi tiêu trong gia đình và điều trị bệnh cho ông L nên ông L phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà X trả nợ cho bà V.

[4] Từ những phân tích nêu trên, có đủ cơ sở để chứng minh việc bà X có thoả thuận cầm cố đất ruộng cho bà V bằng số vàng và tiền đã vay là ý trí tự nguyện, đối với 3,5 chỉ vàng 24k còn nợ bà X cho rằng tiền lãi nhưng không có chứng cứ để chứng minh, trong giấy thoả thuận cầm cố không có ghi cụ thể số vàng nào là vốn và số vàng nào là lãi, tại phiên hòa giải của tổ hòa giải ấp Trung Thành bà X cũng thừa nhận nợ và đồng ý trả trong hai đợt nên có đủ căn cứ để xác định yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận.

Theo ý kiến phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát, yêu cầu xác định quan hệ tranh chấp là "hợp đồng vay tài sản", Hội đồng xét xử thấy rằng việc bà V yêu cầu bà X và ông L trả 3,5 chỉ vàng 24k còn thiếu theo sự thỏa thuận của hai bên và được thực hiện thỏa thuận trước Tổ hòa giải ấp Trung Thành thì đây là vụ kiện đòi lại tài sản, còn giao dịch từ hợp đồng vay và hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất đã chấm dứt, không có sự tranh chấp chỉ còn lại nghĩa vụ giao trả tài sản giữa các bên, nguyên đơn với bị đơn cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết về diện tích đất đã cầm cố hay hợp đồng cầm cố liên quan nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là đòi lại tài sản.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015, căn cứ vào đề nghị của Vị đại diện Viện Kiểm Sát tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn bà Xứng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Khâu L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lý Thị Sà V 3,5 chỉ vàng 24k (quy đổi giá vàng tại thời điểm xét xử sơ thẩm theo cập nhật giá vàng 24 giờ 01 chỉ vàng có giá 3.470.000 đồng x 3,5 chỉ vàng 12.145.000 đồng).

[5] Về tiền án phí dân sự sơ thẩm: Do bị đơn bà Lý Thị X và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Khâu L là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được xem xét miễn tiền án phí, lệ phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; khoản 2, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 1 Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lý Thị Sà V về việc yêu cầu bị đơn bà Lý Thị X và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Khâu L phải trả cho bà V 3,5 chỉ vàng 24k.

Buộc bị đơn bà Lý Thị X và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Khâu L có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Lý Thị Sà V 3,5 chỉ vàng 24k 24k (quy đổi giá vàng tại thời điểm xét xử sơ thẩm theo cập nhật giá vàng 24 giờ 01 chỉ vàng có giá 3.470.000 đồng x 3,5 chỉ vàng 12.145.000 đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực, người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án dân sự đối với người phải thi hành án nếu chưa trả được số tiền phải thi hành án thì phải chịu lãi suất theo quy định tại các Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Lý Thị X và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Khâu L là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được xem xét miễn tiền án phí, lệ phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Lý Thị Sà V số tiền tạm ứng án phí đã nộp 319.000 đồng. theo lai thu số 0003221 ngày 19/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh T.

Án dân sự sơ thẩm được xét xử công khai báo cho các đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án tại nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;-
- Chi cục THADS huyện Thạnh T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

Biện công Nặng